

Số: /KH-UBND

Ninh Bình, ngày tháng 7 năm 2026

KẾ HOẠCH

Hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và dự toán ngân sách năm 2027

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; căn cứ Văn bản số 4194/BKHCN-KHTC ngày 16/6/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2027, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số (sau đây viết tắt là KH, CN, ĐMST, CDS) và dự toán ngân sách năm 2027, với những nội dung cụ thể như sau:

PHẦN THỨ NHẤT

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KH, CN, ĐMST, CDS

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KH, CN, ĐMST, CDS NĂM 2026

1. Tình hình ban hành và triển khai thực hiện các cơ chế và chính sách quản lý KH, CN, ĐMST, CDS

- Trong giai đoạn 2025-2026, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, HĐND tỉnh và UBND tỉnh đã kịp thời ban hành mới, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách, quy định và kế hoạch nhằm hoàn thiện hành lang pháp lý, tạo nền tảng thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh. Cụ thể: Tỉnh ủy ban hành 27 văn bản, gồm: 18 Kế hoạch, 08 Quyết định và 01 Chương trình; HĐND tỉnh ban hành 05 Nghị quyết; UBND tỉnh ban hành 95 văn bản, gồm: 55 Kế hoạch và 40 Quyết định (*chi tiết tại Biểu 1-6, Phụ lục 1 kèm theo kế hoạch*).

- Trên cơ sở các văn bản của Trung ương và của tỉnh, các cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị trong toàn tỉnh đã chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện; cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào chương trình, kế hoạch công tác hằng năm, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu trong chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện.

2. Kết quả hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực KH, CN, ĐMST, CDS

2.1. Hoạt động khoa học, công nghệ

- Hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ trong thời gian qua đã tập trung theo hướng ứng dụng, bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh¹. Việc lựa chọn, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra trong các ngành, lĩnh vực. Kết quả nghiên cứu đã góp phần thúc đẩy chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất, kinh doanh, quản lý nhà nước và đời sống; hình thành nhiều mô hình ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, tăng sức cạnh tranh của nền kinh tế và thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn tỉnh.

- Lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn: Các nhiệm vụ nghiên cứu đã cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn phục vụ việc xây dựng cơ chế, chính sách, hoạch định các định hướng phát triển kinh tế - xã hội, góp phần nâng cao hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền trên các lĩnh vực phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và xây dựng hệ thống chính trị. Nhiều kết quả nghiên cứu đã được ứng dụng trong thực tiễn như: đánh giá và đề xuất giải pháp phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp; giải pháp nâng cao hiệu quả phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm cố ý gây thương tích tại khu vực nông thôn; nghiên cứu thúc đẩy hợp tác công tư trong quản lý và phát triển điểm đến du lịch; giải pháp phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; nghiên cứu xu hướng dịch chuyển cơ cấu lao động trong bối cảnh chuyển đổi số; xây dựng mô hình thúc đẩy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho thanh niên và nhiều nghiên cứu chuyên ngành khác...

- Lĩnh vực y tế: Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ tập trung nâng cao chất lượng chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân; nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ y học trong dự phòng, chẩn đoán và điều trị bệnh. Nhiều kết quả nghiên cứu đã được triển khai như: nâng cao kiến thức, thái độ và thực hành của người dân trong dự phòng, phát hiện sớm ung thư vú, ung thư tuyến giáp; nghiên cứu các dung hợp gen ALK, ROS1 và RET ở bệnh nhân ung thư phổi không tế bào nhỏ phục vụ chẩn đoán và điều trị; xây dựng mô hình chăm sóc bệnh nhân trầm cảm, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ y tế trên địa bàn tỉnh.

- Lĩnh vực khoa học tự nhiên và môi trường: Các nhiệm vụ điều tra cơ bản về tài nguyên và môi trường đã xây dựng được cơ sở dữ liệu quan trọng về đất đai, tài nguyên nước, khí hậu và môi trường, phục vụ công tác quy hoạch, quản lý, khai thác và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên. Nhiều nhiệm vụ có giá trị ứng dụng cao đã được triển khai như: nghiên cứu giải pháp tăng cường khả năng thoát nước khu vực thành phố Ninh Bình nhằm chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; xây dựng hệ thống quản trị tài nguyên nước trên nền tảng Internet vạn vật (IoT) phục vụ điều hòa, phân bổ nguồn nước; ứng dụng công nghệ không

¹ Trong năm 2026 tổ chức quản lý và triển khai thực hiện tổng số 94 nhiệm vụ (đã nghiệm thu 21 nhiệm vụ) thuộc các lĩnh vực nông nghiệp, khoa học xã hội và nhân văn, y tế, khoa học tự nhiên và môi trường...

gian 3D trong quản lý, giám sát tài nguyên thiên nhiên tại Khu du lịch sinh thái Tràng An; nghiên cứu giải pháp tích hợp hạ tầng thủy lợi, lâm nghiệp và môi trường nhằm bảo vệ, phát triển hệ sinh thái rừng ngập mặn Kim Sơn.

- Lĩnh vực khoa học nông nghiệp: Các nhiệm vụ nghiên cứu đã góp phần cung cấp cơ sở khoa học phục vụ quy hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến trong sản xuất giống cây trồng, vật nuôi và nuôi trồng thủy sản; phát triển các mô hình sản xuất nông nghiệp an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP. Đối với lĩnh vực trồng trọt, nhiều nhiệm vụ nghiên cứu đã góp phần nâng cao năng suất, chất lượng cây lúa, cây màu và phát triển các cây dược liệu có giá trị kinh tế cao, phù hợp với điều kiện sinh thái của từng địa phương như: bồ bèo, cát sâm, dành dành, cúc hoa vàng,... Trong lĩnh vực chăn nuôi và thủy sản, các nghiên cứu tập trung phát triển các đối tượng nuôi có giá trị kinh tế, xây dựng các mô hình sản xuất hiệu quả như: nuôi lươn, gà lông màu, cá chim vây vàng, cua cà ra, ngao dầu và nhiều đối tượng nuôi đặc sản khác,... góp phần đa dạng hóa sản phẩm và nâng cao thu nhập cho người dân.

2.2. Đổi mới sáng tạo và phát triển thị trường công nghệ

Hoạt động đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh tiếp tục được triển khai đồng bộ, góp phần phát triển và từng bước hoàn thiện hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, thúc đẩy đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và lan tỏa tinh thần khởi nghiệp sáng tạo.

2.2.1. Hoạt động đổi mới sáng tạo

- Thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp, từng bước hình thành môi trường thuận lợi cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu trên địa bàn tỉnh.

- Công tác truyền thông về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo được đẩy mạnh trên nhiều nền tảng số, góp phần lan tỏa tinh thần đổi mới sáng tạo trong cộng đồng. Duy trì hiệu quả các kênh truyền thông gồm Trang Facebook, Trang thông tin điện tử Đổi mới sáng tạo tỉnh Ninh Bình tại tên miền doimoisangtao.ninhbinh.gov.vn, thường xuyên cập nhật thông tin, chính sách và các hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo của tỉnh và cả nước.

- UBND tỉnh đã chỉ đạo xây dựng và phát triển đa dạng các sản phẩm truyền thông về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo như banner, infographic, video, e-magazine, tờ gấp, tài liệu tuyên truyền và các sản phẩm truyền thông số khác nhằm giới thiệu các chủ trương, chính sách, hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và các mô hình tiêu biểu trên địa bàn tỉnh. Các sản phẩm được đăng tải, phổ

biến rộng rãi trên Trang thông tin điện tử về đổi mới sáng tạo của tỉnh, các nền tảng số và được sử dụng hiệu quả tại các hội nghị, hội thảo, diễn đàn, sự kiện, góp phần nâng cao nhận thức, lan tỏa tinh thần đổi mới sáng tạo trong cộng đồng.

- Công tác kết nối, phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo tiếp tục được quan tâm thông qua việc tổ chức 03 hội thảo chuyên đề với sự tham gia của các chuyên gia, nhà quản lý, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp. Các hội thảo tập trung vào phát triển nguồn nhân lực và kiến tạo hệ sinh thái ngành điện tử - bán dẫn; thúc đẩy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong học sinh, sinh viên; phát triển mô hình đại học khởi nghiệp gắn với Chiến lược quốc gia về khởi nghiệp sáng tạo. Thông qua các hội thảo đã góp phần tăng cường liên kết giữa Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp, tham vấn các giải pháp phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thúc đẩy chuyển giao kết quả nghiên cứu vào sản xuất, kinh doanh, đồng thời kết nối thành công 01 doanh nghiệp hợp tác với Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.

- UBND tỉnh tập trung chỉ đạo xây dựng Đề án phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2030, làm cơ sở định hướng phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của tỉnh trong giai đoạn tới.

- Triển khai Nghị quyết số 86/NQ-CP ngày 05/4/2026 của Chính phủ về Chiến lược quốc gia về khởi nghiệp sáng tạo đến năm 2030. Theo đó, đã ban hành Kế hoạch triển khai chiến lược trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2036; đồng thời tổ chức các hội thảo chuyên đề về đề xuất mô hình không gian khởi nghiệp sáng tạo cộng đồng góp phần định hình định hướng phát triển không gian khởi nghiệp sáng tạo cộng đồng tại địa phương và Hội thảo về mô hình đại học khởi nghiệp.

- Hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo tiếp tục được đẩy mạnh thông qua việc kết nối chuyên gia, tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới, hình thành sáng chế, giải pháp hữu ích và nâng cao năng lực đổi mới công nghệ. Khảo sát 362 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh cho thấy có 181 doanh nghiệp (chiếm 50%) đã triển khai hoạt động đổi mới sáng tạo; trong đó có 03 doanh nghiệp thương mại hóa thành công sản phẩm từ sáng chế được bảo hộ, tạo giá trị gia tăng và giải quyết các bài toán thực tiễn trong lĩnh vực nông nghiệp, môi trường. Doanh thu từ các sản phẩm, dịch vụ mới hoặc được cải tiến chiếm bình quân 24,1% tổng doanh thu của các doanh nghiệp được khảo sát. Nhiều doanh nghiệp đã chủ động đầu tư nghiên cứu, hợp tác với chuyên gia, tổ chức tư vấn và đào tạo nguồn nhân lực nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Công tác phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tiếp tục đạt nhiều kết quả tích cực. Đến nay, toàn tỉnh có 21 doanh nghiệp khoa học và công nghệ, 03 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và 01 doanh nghiệp công nghệ cao hoạt động trên các lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, cơ khí, vật liệu mới, dược phẩm và công nghệ môi trường. Một số kết quả đổi mới sáng tạo nổi bật đã được thương mại hóa hoặc được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, như: chế phẩm sinh học diệt ốc hại cây trồng từ nguyên liệu sinh học

an toàn, giảm chi phí xử lý từ 30–40% so với sản phẩm nhập khẩu và được thương mại hóa từ sáng chế được cấp Bằng độc quyền sáng chế năm 2025; hệ thống nhiệt phân rác thải sinh hoạt thành năng lượng, được cấp Bằng độc quyền sáng chế năm 2025, có khả năng nhân rộng phục vụ xử lý môi trường; công nghệ nuôi cấy ghép tế bào trong nuôi cấy ngọc trai, góp phần nâng cao giá trị sản phẩm, phát triển sản phẩm OCOP gắn với du lịch và kinh tế địa phương.

- Đối với Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII): Đã tổ chức Hội nghị "Triển khai giải pháp cải thiện và nâng cao chỉ số Đổi mới sáng tạo tỉnh Ninh Bình năm 2026" cho các sở, ngành, xã, phường trên địa bàn tỉnh nhằm trao đổi, tháo gỡ khó khăn thực tế để thúc đẩy nâng cao năng lực cạnh tranh, chất lượng môi trường đầu tư và tiềm năng phát triển bền vững của tỉnh Ninh Bình. Đồng thời, đã hoàn thành việc rà soát, tổng hợp và gửi đầy đủ số liệu để Bộ Khoa học và Công nghệ tính toán, công bố Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương năm 2026 theo quy định.

2.2.2. Hoạt động phát triển thị trường khoa học và công nghệ

- Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, UBND tỉnh đã chỉ đạo triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển thị trường khoa học và công nghệ, từng bước hoàn thiện hạ tầng phục vụ kết nối cung - cầu công nghệ, thúc đẩy chuyển giao, ứng dụng và thương mại hóa kết quả nghiên cứu. Sàn giao dịch công nghệ trực tuyến tỉnh Ninh Bình được duy trì, vận hành hiệu quả, từng bước khẳng định vai trò là nền tảng số kết nối các tổ chức, doanh nghiệp, nhà khoa học và các chủ thể trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo.

- Đến thời điểm báo cáo, Sàn giao dịch công nghệ trực tuyến của tỉnh đã xây dựng cơ sở dữ liệu với 15.364 công nghệ, thiết bị, kết quả nghiên cứu, sáng chế và giải pháp kỹ thuật; đồng bộ 915 công nghệ, sản phẩm lên Sàn giao dịch khoa học và công nghệ quốc gia. Đồng thời, đã cập nhật 641 công nghệ, sản phẩm mới; thu hút 73 doanh nghiệp tham gia giao dịch; tiếp nhận 85 nhu cầu tìm kiếm công nghệ và hỗ trợ kết nối, ký kết thành công 36 hợp đồng chuyển giao công nghệ, góp phần thúc đẩy hoạt động đổi mới công nghệ và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Cùng với đó, tỉnh đã tăng cường các hoạt động xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ thông qua tổ chức các hội nghị tư vấn, giới thiệu công nghệ; triển lãm, trưng bày kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ; giới thiệu sản phẩm OCOP, sản phẩm khoa học và công nghệ, sản phẩm chủ lực của tỉnh; đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp tham gia quảng bá, kết nối, thương mại hóa sản phẩm tại các sự kiện Techfest Việt Nam, Techfest Hải Phòng và các sự kiện kết nối cung - cầu công nghệ trong cả nước, qua đó góp phần mở rộng thị trường, thúc đẩy chuyển giao công nghệ và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của tỉnh.

2.3. Sở hữu trí tuệ

- Công tác hỗ trợ xác lập và phát triển quyền sở hữu trí tuệ tiếp tục được UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo triển khai đồng bộ, tập trung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ chức nghiên cứu, cơ sở đào tạo và các chủ thể sản xuất, kinh doanh nhằm thúc đẩy bảo hộ, khai thác và thương mại hóa tài sản trí tuệ, nâng cao giá trị các sản phẩm đặc trưng, sản phẩm chủ lực của địa phương.

- Trong năm, thực hiện triển khai 04 dự án hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ gồm: Tạo lập, quản lý và phát triển Nhãn hiệu chứng nhận “Nhưng hươu Nho Quan”, “Nếp Bắc Nghĩa Bình”, “Tơ lụa Cổ Chất”; phát sóng chương trình “Sở hữu trí tuệ và đổi mới sáng tạo” trên Báo và Phát thanh, truyền hình Ninh Bình.

- Việc bảo hộ và phát triển quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm đặc trưng của địa phương đã từng bước phát huy hiệu quả, góp phần khôi phục, bảo tồn và phát triển các làng nghề truyền thống; tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, hợp tác xã, doanh nghiệp và người dân xây dựng, phát triển thương hiệu, mở rộng thị trường tiêu thụ, nâng cao giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm. Qua đó, góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân, thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn và phát huy giá trị văn hóa của địa phương.

2.4. Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân

Đã thẩm định và cấp/gia hạn 62 giấy phép sử dụng thiết bị X quang chẩn đoán trong y tế cho 43 phòng khám, bệnh viện, trung tâm trong tỉnh; cấp 18 Giấy phép tiến hành công việc bức xạ cho 16 doanh nghiệp sử dụng máy phát tia X trong phân tích huỳnh quang, soi kiểm tra bo mạch điện tử và soi kiểm tra an ninh hàng hóa; Cấp 27 chứng chỉ nhân viên bức xạ cho người phụ trách an toàn.

2.5. Hạ tầng Khoa học công nghệ - Thông tin

2.5.1. Lĩnh vực Bưu chính

- Hoạt động bưu chính trên địa bàn tỉnh tiếp tục phát triển ổn định, đáp ứng tốt nhu cầu của người dân, doanh nghiệp và yêu cầu quản lý nhà nước. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 20 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bưu chính, chuyển phát với 560 điểm phục vụ, gồm 03 bưu cục cấp I, 20 bưu cục cấp II, 115 bưu cục cấp III, 03 bưu cục hệ I và 419 điểm Bưu điện - Văn hóa xã; bán kính phục vụ bình quân đạt 1,1 km/điểm phục vụ, góp phần nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ bưu chính của người dân trên toàn tỉnh.

- UBND tỉnh đã chỉ đạo các doanh nghiệp bưu chính tăng cường công tác bảo đảm an toàn, an ninh bưu chính, đặc biệt đối với dịch vụ bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước và trong thời gian diễn ra các sự kiện chính trị quan trọng như Đại hội XIV của Đảng và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026–2031; bảo đảm thông tin, tài liệu được vận chuyển an toàn, thông suốt, đúng quy định.

- Triển khai xây dựng kế hoạch điều tra sản lượng và giá cước bình quân đối với dịch vụ bưu chính công ích và dịch vụ công ích trong hoạt động phát hành

báo chí năm 2026 tỉnh Ninh Bình. Đồng thời, nghiên cứu, xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích thực hiện trên địa bàn tỉnh.

2.5.2. Lĩnh vực Viễn thông

- Hạ tầng viễn thông tiếp tục được đầu tư, mở rộng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, chuyển đổi số và bảo đảm quốc phòng, an ninh. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 10.170 trạm thu phát sóng thông tin di động (BTS), gồm 1.717 trạm 2G, 2.644 trạm 3G, 4.917 trạm 4G và 892 trạm 5G; 100% xã, phường được phủ sóng di động băng rộng 4G, nhiều khu vực trung tâm đã được phủ sóng 5G.

- Toàn tỉnh hiện có 3.893.555 thuê bao điện thoại, gồm 40.565 thuê bao cố định và 3.852.990 thuê bao di động; 4.364.991 thuê bao truy cập Internet băng rộng, trong đó có 905.797 thuê bao băng rộng cố định và 3.459.194 thuê bao băng rộng di động. Số thuê bao băng rộng cố định FTTH hộ gia đình đạt 863.453 thuê bao, tương ứng 72,07% hộ gia đình được kết nối cáp quang tốc độ cao. Chất lượng dịch vụ viễn thông tiếp tục được nâng cao, tốc độ truy cập Internet băng rộng cố định đạt 258/172 Mbps, Internet di động đạt 65/22 Mbps; tốc độ mạng 5G đạt 505/142 Mbps, cao hơn mức bình quân của cả nước. Doanh thu dịch vụ viễn thông 6 tháng đầu năm 2026 ước đạt 2.235 tỷ đồng.

- UBND tỉnh đã chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm an toàn, thông suốt thông tin liên lạc phục vụ các sự kiện chính trị, văn hóa, xã hội và các nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh như Tết Nguyên đán Bính Ngọ, bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026–2031, Lễ hội Hoa Lư, Tuần Du lịch Ninh Bình, kỳ thi tuyển sinh lớp 10, kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2026; đồng thời bảo đảm thông tin liên lạc phục vụ diễn tập phòng thủ dân sự, tìm kiếm cứu nạn và ứng phó với siêu bão năm 2026.

2.5.3. Lĩnh vực tần số vô tuyến điện

- Công tác quản lý nhà nước về tần số vô tuyến điện tiếp tục được tăng cường, góp phần bảo đảm sử dụng hiệu quả tài nguyên tần số, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh. UBND tỉnh đã chỉ đạo triển khai các giải pháp quản lý, sử dụng thiết bị vô tuyến điện phục vụ công tác phòng, chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU); xây dựng và triển khai kế hoạch giám sát việc sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện tại các cơ sở đào tạo, sát hạch lái xe trên địa bàn tỉnh nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm.

- Đã thực hiện cấp 544 giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện, gồm 164 giấy phép cho tàu cá, 44 giấy phép dùng cho mạng nội bộ và 336 giấy phép cho tàu hàng, phương tiện thủy nội địa, đáp ứng nhu cầu sử dụng tần số của

các tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm an toàn thông tin liên lạc và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực tần số vô tuyến điện.

2.7.4. Lĩnh vực Thông tin – Thống kê KHCHN

Đã thực hiện cấp 31 Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước, bảo đảm đúng quy định; phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ triển khai điều tra nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (NC&PT) năm 2026 trên địa bàn tỉnh, phục vụ công tác thống kê, xây dựng cơ sở dữ liệu và hoạch định chính sách phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đồng thời phát hành 02 số Bản tin Khoa học và Công nghệ, góp phần tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách, kết quả nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ trên địa bàn tỉnh.

2.6. Công tác chuyển đổi số

2.6.1. Về thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến

- Từ ngày 01/01/2026 đến nay, tỉnh Ninh Bình đã phối hợp với các Bộ, ban, ngành Trung ương và các cơ quan chức năng triển khai các nội dung để chuyển chức năng tiếp nhận, giải quyết TTHC đối với các TTHC đáp ứng yêu cầu giải quyết theo Mô hình tập trung từ Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh lên Hệ thống của Trung ương. Đến nay, 13/13 Bộ, ngành đã triển khai giải quyết TTHC trên Hệ thống tập trung cấp Bộ với tổng cộng 1.957 TTHC; chỉ còn 50 TTHC lĩnh vực đất đai thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường và 13 TTHC đặc thù của tỉnh đang được giải quyết trên Hệ thống giải quyết TTHC của tỉnh Ninh Bình. Hiện nay, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Ninh Bình tiếp tục được duy trì đảm bảo hoạt động ổn định, thông suốt để thực hiện giải quyết TTHC đối với các TTHC lĩnh vực Đất đai và 13 TTHC đặc thù của tỉnh; Hệ thống đã triển khai kết nối với Cổng DVC quốc gia mới tại Trung tâm Dữ liệu quốc gia - Bộ Công an, Hệ thống giải quyết TTHC các Bộ, ngành, địa phương đang triển khai theo lộ trình của Bộ Công an để sớm đưa vào sử dụng chính thức.

- Tổng số hồ sơ từ ngày 01/01/2026 đến ngày 10/6/2026: Hệ thống giải quyết TTHC của tỉnh tiếp nhận 504.743 hồ sơ, 14.281 hồ sơ trực tiếp, 490.462 hồ sơ trực tuyến; Hệ thống giải quyết TTHC cấp bộ tiếp nhận 182.576 hồ sơ, 20.986 hồ sơ trực tiếp, 161.590 hồ sơ trực tuyến.

- Tỷ lệ hồ sơ được tiếp nhận, giải quyết trực tuyến và thanh toán trực tuyến có xu hướng tăng; việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được đẩy mạnh, tạo điều kiện cho tái sử dụng dữ liệu². Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống được quan tâm, bước đầu giảm yêu cầu cung cấp lại thông tin, giấy tờ của người dân, doanh nghiệp; từng bước nâng cao tính công khai, minh

² Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến từ 01/01/2026 đến ngày 10/6/2026 đạt tỷ lệ 94,2%; Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia đạt tỷ lệ 89,32%; Tỷ lệ số hóa hồ sơ đạt tỷ lệ 93,8%.

bạch trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Kết quả thực hiện theo Bộ Chỉ số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ:

Các Tiêu chí Bộ chỉ số	Kết quả thực hiện đến ngày 10/6/2026 của tỉnh Ninh Bình	Trung bình của cả nước
- Công khai minh bạch	18/18 điểm	15/18 điểm
- Tiến độ giải quyết	19,1/20 điểm	12,8/20 điểm
- Dịch vụ công trực tuyến	10/12 điểm	7,2/12 điểm
- Thanh toán trực tuyến	10/10 điểm	8,6/10 điểm
- Mức độ hài lòng	18/18 điểm	16,2/18 điểm
- Số hóa hồ sơ	20,5/22 điểm	14,5/22 điểm
Tổng hợp:	95,6/100 điểm; xếp loại xuất sắc	

- Việc liên thông, tái sử dụng dữ liệu: Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Ninh Bình cơ bản hoàn thành kết nối với 30 Hệ thống, CSDL chuyên ngành phục vụ chia sẻ, khai thác thông tin, dữ liệu trong giải quyết TTHC. Theo Nghị Quyết số 667/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu, hiện nay các Bộ, ngành đang rà soát để tham mưu Chính phủ ban hành các Nghị quyết cắt giảm, đơn giản hóa TTHC thuộc chức năng quản lý. Trên cơ sở hướng dẫn của Chính phủ, Bộ, ban, ngành TW, tỉnh Ninh Bình sẽ thực hiện việc cắt giảm, đơn giản hóa TTHC và kết nối liên thông trong giải quyết TTHC theo quy định.

2.6.2. Về kiến trúc, hạ tầng số, bảo đảm trang thiết bị cho chuyển đổi số

- Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin được đầu tư tương đối đồng bộ từ cấp tỉnh đến cơ sở; mạng truyền số liệu chuyên dùng, trung tâm dữ liệu, hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến được duy trì ổn định, bảo đảm phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành³. Các nền tảng, hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh được xây dựng và đưa vào vận hành hiệu quả, như hệ thống quản lý văn bản

³ UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn rà soát, nâng cấp và bảo đảm điều kiện tối thiểu phục vụ chuyển đổi số của địa phương (nhất là tại cấp xã) như: (1) 100% cơ quan Đảng, tổ chức chính trị, chính quyền các cấp được kết nối với mạng Internet cáp quang tốc độ cao và mạng truyền số liệu chuyên dùng. (2) 100% cán bộ, công chức đã được trang bị máy tính cấu hình tối thiểu và thiết bị làm việc thiết yếu; 100% cơ quan, đơn vị đã được cấp chứng thư số tổ chức và chứng thư số cá nhân phục vụ kịp thời việc gửi nhận văn bản điện tử có ký số. (3) 100% cơ quan, đơn vị đã bố trí tối thiểu 01 cán bộ phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số phù hợp với khối lượng công việc.

và điều hành⁴, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, công dịch vụ công, góp phần nâng cao hiệu quả xử lý công việc và phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu dùng chung từng bước được hình thành, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị có chuyên môn tích cực, tạo nền tảng cho khai thác, sử dụng dữ liệu trong quản lý, điều hành. Hạ tầng viễn thông, internet băng thông được mở rộng, phủ sóng rộng khắp, 100% thôn, bản có điện và sóng di động; từng bước đáp ứng yêu cầu triển khai các dịch vụ số, nhất là tại khu vực đô thị, trung tâm hành chính.

- Việc bố trí kinh phí để nâng cấp, thay thế hoặc bổ sung trang thiết bị CNTT đã xuống cấp: Tỉnh đã bố trí nguồn kinh phí chi thường xuyên để các cơ quan, đơn vị thực hiện việc nâng cấp, thay thế hoặc bổ sung trang thiết bị CNTT đã xuống cấp.

- Việc khắc phục triệt để tình trạng còn lỗi của các hệ thống thông tin: Hiện nay cơ bản các lỗi của các hệ thống, nhất là đối với các lỗi của hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp, phần mềm quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC... đã được xử lý góp phần phục vụ việc giải quyết công việc của các cơ quan, đơn vị và phục vụ người dân, doanh nghiệp trên môi trường số.

- Phối hợp với Ban Cơ yếu Chính phủ hoàn thành, cấp đầy đủ chứng thư số chuyên dùng cho các tổ chức và cá nhân để thực hiện ký số trên môi trường điện tử.

2.6.3. Công tác phát triển nhân lực cho chuyển đổi số

Công tác đào tạo, bồi dưỡng và phổ cập kỹ năng số trên địa bàn tỉnh đã được triển khai đồng bộ, đạt nhiều kết quả tích cực với quy mô rộng, hình thức linh hoạt, từng bước nâng cao năng lực số cho cán bộ và người dân⁵. Việc phát huy hiệu quả Tổ công nghệ số cộng đồng và các điểm tiếp cận số tại cơ sở đã góp phần lan tỏa chuyển đổi số đến tận thôn, xóm, tạo nền tảng cho phát triển toàn diện. Đồng thời, tỉnh đã chủ động ban hành các kế hoạch, kiến trúc số làm cơ sở triển khai mô hình chuyển đổi số cấp xã.

2.6.4. Về phát triển kinh tế số, xã hội số

- Kinh tế số trên địa bàn tỉnh thời gian qua đã có bước phát triển tích cực, từng bước trở thành động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Quy mô kinh tế số tiếp tục được mở rộng, tỷ trọng đóng góp vào GRDP của tỉnh tăng dần. Năm 2025, theo thống kê của Cục Thống kê - Bộ Tài

⁴ UBND tỉnh phối hợp với các cơ quan chức năng triển khai thực hiện việc gửi nhận văn bản và xử lý hồ sơ cấp độ Mật, Tối Mật qua mạng thông tin điện rộng của cơ quan Đảng: 100% cơ quan Đảng đã triển khai việc gửi nhận văn bản và xử lý hồ sơ cấp độ Mật, Tối Mật qua mạng thông tin điện rộng của cơ quan Đảng; các sở, ngành và UBND các xã, phường đang triển khai thử nghiệm Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc mật của Chính phủ.

⁵ Năm 2026, Sở KHCN phối hợp với Sở Nội vụ tổ chức 30 lớp đào tạo trực tiếp về dữ liệu, nền tảng chuyển đổi số, khai thác và ứng dụng AI với 900 học viên tham gia; ngoài ra UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 114/KH-UBND ngày 14/4/2026 về bồi dưỡng, tập huấn, tuyên truyền về kỹ năng số với mục tiêu 100% cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, địa phương được đào tạo, tập huấn về kỹ năng số; 100% thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng được đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng sử dụng các dịch vụ số; phần đầu 100% người dân trong độ tuổi lao động và người lao động trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn tỉnh được tiếp cận, phổ biến kiến thức về chuyển đổi số. Văn phòng Tỉnh ủy đã tổ chức 141 lớp tập huấn cho cán bộ, công chức từ tỉnh đến các xã, phường gồm (05 lớp Quản trị mạng; 136 lớp phần mềm điều hành tác nghiệp nâng cao) với tổng số 2.460 lượt cán bộ.

chính, tỷ trọng kinh tế số trong tổng sản phẩm GRDP của tỉnh Ninh Bình đạt 12,2%, nằm trong nhóm 10 địa phương có tỷ trọng giá trị tăng thêm kinh tế số trong GDP cao nhất. Năm 2026, kinh tế số tiếp tục được định hướng là một trong những trụ cột chiến lược để tỉnh Ninh Bình tiếp tục duy trì tăng trưởng 02 con số. 6 tháng đầu năm tỷ trọng kinh tế số trong tổng sản phẩm GRDP của tỉnh Ninh Bình ước đạt 13%, dự kiến đến hết 2025 ước đạt khoảng 15%. Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ nhất, Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, đáp ứng yêu cầu tăng trưởng 02 con số theo chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh Ninh Bình phấn đấu đến hết năm 2027 tỷ trọng kinh tế số trong tổng sản phẩm GRDP của tỉnh ước đạt khoảng 18%⁶.

- Nhận thức của người dân về chuyển đổi số, xã hội số từng bước được nâng lên; phong trào “Bình dân học vụ số” được triển khai rộng khắp, góp phần phổ cập kỹ năng số cơ bản trong cộng đồng. Vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng⁷ và các thiết chế văn hóa cơ sở (nhà văn hóa thôn, bản) được duy trì, phát huy hiệu quả như các điểm hỗ trợ, tiếp cận số tại địa phương. Công tác tuyên truyền, phổ cập kiến thức, hướng dẫn kỹ năng số cho người dân được triển khai đa dạng, phù hợp, góp phần nâng cao năng lực sử dụng dịch vụ số, thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, bền vững.

2.7. Tiêu chuẩn, Đo lường, Chất lượng

- Công tác quản lý tiêu chuẩn, chất lượng được tăng cường thông qua việc đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT), xuất xứ hàng hóa, ghi nhãn hàng hóa, mã số mã vạch, công bố hợp chuẩn, hợp quy và kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu. Công tác tiếp nhận, giải quyết hồ sơ trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng được thực hiện kịp thời, đúng quy định: Đã tiếp nhận 14 hồ sơ công bố hợp chuẩn, hợp quy đối với các sản phẩm xi măng, thiết bị điện, điện tử, pin, nhôm và hợp kim nhôm định hình và 320 hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu, góp phần tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Công tác quản lý đo lường tiếp tục được chú trọng, đặc biệt trong các lĩnh vực có ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của người tiêu dùng như kinh doanh xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG). Đã phối hợp tổ chức thành công Lễ kỷ niệm Ngày Đo lường Việt Nam và Hội thảo khoa học về tổng kết thi hành Luật Đo lường, thu hút sự tham gia của các cơ quan quản lý trung ương, địa phương và cộng đồng doanh nghiệp. Tăng cường hướng dẫn, chấn chỉnh việc thực hiện các

⁶ Văn bản số 2047/SKHCHN-KHTC ngày 30/6/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2027.

⁷ Trên địa bàn tỉnh Ninh Bình hiện nay có 4.525 thôn, bản, tổ dân phố tại 129 xã, phường. 100% thôn, bản, tổ dân phố đã thành lập ít nhất 01 Tổ Công nghệ số cộng đồng, mỗi Tổ bình quân có từ 05 đến 09 thành viên, trong đó nòng cốt là lực lượng đoàn viên, thanh niên, công an... Hiện nay toàn tỉnh có 4.654 Tổ Công nghệ số cộng đồng (đạt chỉ tiêu 100% Thôn, bản, tổ dân phố có Tổ Công nghệ số cộng đồng), tổng số thành viên là 36.139 người.

quy định về đo lường, kiểm định phương tiện đo, ghi nhãn hàng hóa; phối hợp thực hiện các giải pháp quản lý đối với hoạt động kinh doanh xăng dầu, góp phần nâng cao tính minh bạch, chính xác trong hoạt động thương mại.

- Hoạt động kiểm tra nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng được triển khai thường xuyên, có trọng tâm, trọng điểm đối với các nhóm hàng hóa và lĩnh vực tiềm ẩn nguy cơ vi phạm. Đã tổ chức kiểm tra tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh vàng, xăng dầu, hàng đóng gói sẵn, thiết bị điện, điện tử và các cơ sở sử dụng phương tiện đo nhóm 2 trong lĩnh vực y tế. Qua kiểm tra cho thấy đa số các cơ sở chấp hành tốt quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và ghi nhãn hàng hóa. Đối với một số trường hợp còn tồn tại, chủ yếu liên quan đến việc ghi nhãn sản phẩm và kiểm định phương tiện đo, cơ quan chức năng đã kịp thời yêu cầu tạm dừng lưu thông hoặc tạm dừng sử dụng, đồng thời hướng dẫn các cơ sở khắc phục theo đúng quy định, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và bảo đảm môi trường kinh doanh lành mạnh trên địa bàn tỉnh.

- Công tác kiểm tra nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng được tăng cường, tập trung vào các lĩnh vực, sản phẩm, hàng hóa có nguy cơ ảnh hưởng đến quyền lợi người tiêu dùng. Trong 6 tháng đầu năm 2026, đã thực hiện 06 cuộc kiểm tra tại 133 cơ sở sản xuất, kinh doanh và sử dụng phương tiện đo trên địa bàn tỉnh, gồm 46 cơ sở trong đợt kiểm tra trước, trong và sau Tết Nguyên đán; 37 cơ sở sản xuất, kinh doanh thiết bị điện, điện tử; 29 cơ sở kinh doanh xăng dầu; 01 thương nhân phân phối xăng dầu và 20 cơ sở sử dụng phương tiện đo nhóm 2 trong lĩnh vực y tế. Qua kiểm tra cho thấy, đa số các cơ sở chấp hành tốt các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và ghi nhãn hàng hóa. Trong lĩnh vực thiết bị điện, điện tử, phát hiện 04 cơ sở có sản phẩm ghi nhãn chưa đầy đủ theo quy định; cơ quan chức năng đã yêu cầu tạm ngừng lưu thông 84 sản phẩm gồm 55 đèn LED, 06 bếp điện tử, 20 máy sấy tóc và 03 quạt điện để khắc phục theo quy định. Đối với lĩnh vực y tế, đã yêu cầu tạm dừng sử dụng 12 phương tiện đo của 01 cơ sở do chưa thực hiện kiểm định, đồng thời yêu cầu khẩn trương khắc phục, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật. Các cuộc kiểm tra trong lĩnh vực kinh doanh và phân phối xăng dầu cho thấy các cơ sở được kiểm tra cơ bản thực hiện đầy đủ các quy định về đo lường và chất lượng, góp phần bảo đảm quyền lợi người tiêu dùng và tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh.

3. Kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy, phát triển tiềm lực KH, CN, ĐMST, CDS

- Sau khi hợp nhất, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Ninh Bình chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/7/2025. UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức bảo đảm ổn định tổ chức, duy trì hoạt động thông suốt, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

- Đến nay, tổ chức bộ máy của Sở Khoa học và Công nghệ cơ bản được kiện toàn theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, gồm Ban Giám đốc với 01 Giám đốc và 05 Phó Giám đốc; 07 phòng chuyên môn; 01 Chi cục Tiêu chuẩn, Đo lường và Chất lượng; 02 đơn vị sự nghiệp công lập gồm Trung tâm Khoa học công nghệ, Đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số và Trung tâm Đo lường và Thử nghiệm.

- Theo Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 10/01/2026 của UBND tỉnh về việc tạm giao biên chế cán bộ, công chức năm 2026 và Quyết định số 1408/QĐ-UBND ngày 11/4/2026 về điều chỉnh tạm giao số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2026, Sở Khoa học và Công nghệ được giao 134 biên chế công chức và 107 biên chế viên chức. Đến ngày 30/6/2026, số lượng biên chế công chức có mặt là 91 người (đạt 67,9% biên chế được giao), biên chế viên chức có mặt là 78 người (đạt 72,8% biên chế được giao); ngoài ra có 07 hợp đồng lao động theo quy định.

- Về trình độ chuyên môn: Số cán bộ, công chức, viên chức có trình độ tiến sĩ là 06 người, thạc sĩ là 61 người, đại học là 98 người, cao đẳng là 04 người; có trình độ chuyên ngành về lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử viễn thông (từ cao đẳng trở lên) là 68 người, chiếm 40%.

- Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đến hết tháng 8/2025, Sở Khoa học và Công nghệ có 29 công chức, viên chức, người lao động nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP⁸. UBND tỉnh đã chỉ đạo thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách đối với 29/29 trường hợp với tổng kinh phí chi trả trên 25,5 tỷ đồng.

- Thực hiện chủ trương tăng cường cán bộ, công chức, viên chức về cơ sở sau sắp xếp đơn vị hành chính, Sở Khoa học và Công nghệ đã chủ động rà soát, bố trí, điều động đội ngũ cán bộ theo chỉ đạo của UBND tỉnh. Đến nay, đã có 25 công chức, viên chức được điều động, tăng cường về công tác tại UBND cấp xã (gồm 07 công chức và 18 viên chức).

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tiếp tục được quan tâm thực hiện. Hằng năm, cán bộ, công chức, viên chức được cử tham gia đầy đủ các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng quản lý do Bộ Khoa học và Công nghệ, UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị tổ chức. Đến nay, 100% cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu vị trí việc làm; 100% cán bộ lãnh đạo, quản lý được đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch; cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp phòng được đào tạo, bồi dưỡng bảo đảm tiêu chuẩn trước khi bổ nhiệm theo quy định.

⁸ Trong đó có 05 trường hợp nghỉ hưu trước tuổi (03 công chức, 02 viên chức), 24 trường hợp nghỉ thôi việc (12 công chức, 10 viên chức, 02 hợp đồng lao động).

(chi tiết tại Biểu 1-1, 1-2, 1-3, 1-4, 1-5, Phụ lục 1 kèm theo kế hoạch)

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH PHÂN BỐ, GIẢI NGÂN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO KH, CN, ĐMST, CDS

- Tỉnh đã quan tâm bố trí nguồn lực ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Quy mô ngân sách cơ bản được duy trì ổn định, ưu tiên cho các nhiệm vụ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, chuyển đổi số, ứng dụng khoa học và công nghệ trong các ngành, lĩnh vực trọng điểm và đầu tư hạ tầng phục vụ nghiên cứu, ứng dụng công nghệ.

- Công tác phân bổ dự toán hằng năm được thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn. Việc giao kế hoạch được thực hiện kịp thời sau khi HĐND tỉnh quyết định dự toán và UBND tỉnh giao dự toán cho các đơn vị.

- Qua các năm, tỷ trọng kinh phí dành cho chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu, nền tảng số và phát triển hạ tầng số có xu hướng tăng; đồng thời tiếp tục bảo đảm kinh phí cho các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, sở hữu trí tuệ và hỗ trợ đổi mới sáng tạo.

Năm 2026, tỉnh đã ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước để triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương và các quy định hiện hành. Các dự án đầu tư phát triển trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và chuyển đổi số cơ bản được triển khai theo tiến độ.

- Dự toán Trung ương giao năm 2026 cho tỉnh Ninh Bình để chi khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là: 439,680 tỷ đồng (tại Quyết định số 2661/QĐ-TTg ngày 05/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ).

- Dự toán Trung ương bổ sung năm 2026 cho tỉnh Ninh Bình để thực hiện nhiệm vụ “Nâng cấp, mở rộng hệ thống mạng nội bộ (LAN) tại các xã, phường trên địa bàn tỉnh” từ nguồn dự toán chi thường xuyên vốn ngân sách trung ương là 45 tỷ đồng (Quyết định số 472/QĐ-TTg ngày 25/3/2026 của Thủ tướng Chính phủ).

- Dự toán HĐND tỉnh đã phân bổ, giao năm 2026 để chi khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là: 1.780, 452 tỷ đồng, trong đó:

+ Nguồn chi thường xuyên: 680,452 tỷ đồng (tại Quyết định số 1789/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND tỉnh).

+ Nguồn chi đầu tư 1.100 tỷ đồng (tại Nghị quyết số 51/NQ-HĐND, ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh).

- Số kinh phí đã giải ngân cho khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số 06 tháng đầu năm 2026 là: 105 tỷ đồng (Đạt 5,89% so với dự toán đã được phân bổ).

+ Lĩnh vực khoa học công nghệ: 52,122 tỷ đồng;

+ Lĩnh vực đổi mới sáng tạo: 0,611 tỷ đồng;

+ Lĩnh vực chuyển đổi số: 52,267 tỷ đồng.

III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

1. Khó khăn, vướng mắc

- Các chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng, hỗ trợ đầu tư chưa đủ sức hấp dẫn, nhất là đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

- Các chính sách ưu tiên và nguồn lực dành cho hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo còn hạn chế. Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh đã được hình thành với các thành phần cơ bản, nhưng còn thiếu dịch vụ hỗ trợ chuyên sâu, cơ chế đầu tư mạo hiểm, tư vấn - cố vấn, nên chưa đủ sức thu hút startup tiềm năng và nhà đầu tư chiến lược. Hoạt động ươm tạo, hỗ trợ thương mại hóa sản phẩm đổi mới sáng tạo còn rời rạc; chưa có đầu mối chủ lực để dẫn dắt và tạo liên kết chặt chẽ giữa các bên liên quan.

- Hoạt động tìm kiếm, ươm tạo, hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hỗ trợ đổi mới công nghệ, đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh và thương mại hóa sản phẩm đổi mới sáng tạo còn gặp nhiều khó khăn; số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo còn ít, quy mô nhỏ, hàm lượng khoa học và công nghệ chưa cao.

- Số lượng doanh nghiệp khoa học và công nghệ còn khiêm tốn, năng lực nghiên cứu, đổi mới công nghệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu còn hạn chế, chưa phát huy vai trò là lực lượng dẫn dắt đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Hạ tầng hỗ trợ khởi nghiệp còn phân tán: mặc dù đã hình thành một số điểm hỗ trợ khởi nghiệp, nhưng chưa có không gian đổi mới sáng tạo quy mô cấp tỉnh, đủ điều kiện tổ chức các hoạt động ươm tạo, trình diễn công nghệ, kết nối đầu tư.

- Thị trường khoa học và công nghệ phát triển chưa tương xứng với tiềm năng; hoạt động kết nối cung - cầu công nghệ, chuyển giao và thương mại hóa kết quả nghiên cứu còn hạn chế, sự gắn kết giữa doanh nghiệp với các viện nghiên cứu, trường đại học chưa chặt chẽ.

- Việc triển khai quản lý tài chính theo cơ chế Quỹ chưa thực hiện do địa phương còn lúng túng trong việc giao cho cơ quan, đơn vị nào để tổ chức điều hành Quỹ đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP.

2. Đề xuất, kiến nghị

2.1. Đối với Chính phủ

- Sớm ban hành, hoàn thiện cơ chế, chính sách đặc thù nhằm hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và cá nhân tham gia hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

- Có cơ chế ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp tăng cường đầu tư cho hoạt động đổi mới sáng tạo, thương mại hóa kết quả nghiên cứu và phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

- Nghiên cứu ban hành cơ chế hỗ trợ hình thành và phát triển các tổ chức trung gian của hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại địa phương như cơ sở ươm tạo, tổ chức thúc đẩy kinh doanh.

2.2. Đối với Bộ Khoa học và Công nghệ

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản hướng dẫn và cơ chế, chính sách về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo; có hướng dẫn thống nhất để các địa phương triển khai thực hiện Nghị quyết số 86/NQ-CP của Chính phủ về Chiến lược quốc gia về khởi nghiệp sáng tạo đến năm 2030. Hướng dẫn giải pháp hình thành Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của địa phương.

- Xây dựng và triển khai các chương trình hỗ trợ có tính liên kết từ Trung ương đến địa phương, tập trung vào hoạt động ươm tạo, tăng tốc khởi nghiệp, kết nối chuyên gia, kết nối quỹ đầu tư và thúc đẩy thương mại hóa công nghệ, sản phẩm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

- Hỗ trợ các địa phương phát triển sàn giao dịch công nghệ, tăng cường kết nối cung - cầu công nghệ, thúc đẩy chuyển giao và thương mại hóa kết quả nghiên cứu; đồng thời tăng cường kết nối giữa các viện nghiên cứu, trường đại học với doanh nghiệp.

PHẦN THỨ HAI

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KH, CN, ĐMST, CDS NĂM 2027

1. Định hướng chung

Năm 2027, tỉnh Ninh Bình tập trung triển khai đồng bộ các nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo tinh thần Nghị quyết số 06-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, xác định đây là động lực đột phá để nâng cao năng suất lao động, chất lượng tăng trưởng, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế và hiệu lực, hiệu quả quản trị địa phương; góp phần thực hiện mục tiêu đưa Ninh Bình trở thành cực tăng trưởng của khu vực phía Nam đồng bằng sông Hồng và từng bước trở thành tỉnh phát triển khá của cả nước. Hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2027 được triển khai theo các định hướng chủ yếu sau:

- Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số gắn chặt với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; lấy người dân và doanh nghiệp

làm trung tâm, nhà khoa học là nhân tố then chốt, doanh nghiệp là chủ thể đổi mới sáng tạo, Nhà nước giữ vai trò kiến tạo, dẫn dắt và tạo môi trường thuận lợi.

- Tập trung nguồn lực nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ đổi mới với các ngành, lĩnh vực có lợi thế của tỉnh như: công nghiệp chế biến, chế tạo; công nghiệp hỗ trợ; nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái và tuần hoàn; du lịch văn hóa, sinh thái và du lịch thông minh; logistics; phát triển đô thị thông minh; bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ chiến lược như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), Internet vạn vật (IoT), điện toán đám mây, chuỗi khối (Blockchain), công nghệ sinh học và các công nghệ số mới trong quản lý nhà nước, sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội.

- Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của tỉnh; tăng cường liên kết giữa cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học và các tổ chức khoa học và công nghệ; thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu, phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trên ba trụ cột chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; xây dựng chính quyền hoạt động dựa trên dữ liệu, nâng cao chất lượng dịch vụ công, hiệu quả quản trị và phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Đầu tư phát triển đồng bộ hạ tầng số, cơ sở dữ liệu, nền tảng số dùng chung, bảo đảm an toàn thông tin và an ninh mạng; hình thành hệ thống dữ liệu dùng chung phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và phát triển kinh tế - xã hội.

- Phát triển nguồn nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

2. Định hướng theo các lĩnh vực

2.1. Khoa học, công nghệ

- Ưu tiên nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển các ngành kinh tế chủ lực và các lĩnh vực có lợi thế của tỉnh.

- Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ số, công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp; phát triển giống cây trồng, vật nuôi chất lượng cao; xây dựng vùng sản xuất tập trung, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp thông minh.

- Nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo, vật liệu mới, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, kinh tế tuần hoàn và sản xuất xanh.

- Ứng dụng khoa học và công nghệ trong bảo tồn, phát huy giá trị Quần thể Danh thắng Tràng An và các di sản văn hóa; phát triển du lịch thông minh, quản lý tài nguyên, môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Thúc đẩy nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn phục vụ hoàn thiện cơ chế, chính sách, nâng cao hiệu quả quản trị địa phương, phát triển văn hóa và con người Ninh Bình. Triển khai Chương trình Quốc gia phát triển công nghệ và công nghiệp chiến lược.

2. 2. Đổi mới sáng tạo

- Tập trung hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức thực hiện ứng dụng, chuyển giao, làm chủ, hấp thụ, cải tiến và đổi mới công nghệ; triển khai hoạt động nghiên cứu và phát triển, hoàn thiện quy trình, dây chuyền sản xuất, sản xuất thử nghiệm và sản xuất thương mại để tạo ra sản phẩm, dịch vụ, quy trình hoặc mô hình kinh doanh mới, hoặc có cải tiến đáng kể so với hiện có nhằm nâng cao hiệu suất, giá trị gia tăng, hiệu quả kinh tế - xã hội.

- Triển khai đề án phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của tỉnh theo hướng đồng bộ, tăng cường liên kết giữa Nhà nước, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học và các tổ chức khoa học và công nghệ; triển khai các nhiệm vụ thực hiện Chiến lược quốc gia về khởi nghiệp sáng tạo đến năm 2030. Đẩy mạnh công tác truyền thông, đào tạo, nâng cao năng lực về đổi mới sáng tạo; tổ chức các hoạt động kết nối hệ sinh thái, hỗ trợ ươm tạo, tăng tốc khởi nghiệp và phát triển văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo trong cộng đồng;

- Đẩy mạnh hỗ trợ doanh nghiệp triển khai các hoạt động đổi mới sáng tạo, thương mại hóa sản phẩm; tập trung phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh.

- Tăng cường các hoạt động kết nối cung - cầu công nghệ, xúc tiến chuyển giao và thương mại hóa công nghệ; phát triển các tổ chức trung gian, mạng lưới chuyên gia, thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh. Mở rộng hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước nhằm thu hút nguồn lực, công nghệ tiên tiến, chuyên gia và nhà đầu tư, góp phần nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp địa phương.

- Triển khai các giải pháp nâng cao Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII), góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và năng lực cạnh tranh của tỉnh.

- Đẩy mạnh phát triển tài sản trí tuệ, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; hỗ trợ tạo lập, bảo hộ, quản lý, khai thác và thương mại hóa quyền sở hữu trí tuệ gắn với các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc trưng của tỉnh.

2.3. Hoạt động Tiêu chuẩn, Đo lường, Chất lượng

Thúc đẩy doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, các công cụ cải tiến năng suất và chất lượng; tăng cường hoạt động tiêu chuẩn hóa, đo lường, đánh giá sự phù hợp và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp; đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, tham gia hiệu quả vào chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị trong nước, khu vực và quốc tế.

2.4. Chuyển đổi số

- Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trên các lĩnh vực; phát triển hạ tầng số, dữ liệu số và các nền tảng số dùng chung của tỉnh; xây dựng chính quyền số hiện đại, phát triển kinh tế số và xã hội số;

- Triển khai Hệ thống giám sát, điều hành thông minh (IOC) tỉnh Ninh Bình, Ứng dụng Công dân số Ninh Bình - S.

- Triển khai Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu ngành khoa học và công nghệ tỉnh Ninh Bình; thí điểm mạng IPv6 phục vụ trung tâm dữ liệu tỉnh và một số cơ quan hành chính.

2.5. Hợp tác và phát triển

- Mở rộng hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp công nghệ và các địa phương có trình độ phát triển khoa học, công nghệ cao.

- Tăng cường thu hút chuyên gia, nhà khoa học tham gia giải quyết các bài toán phát triển của tỉnh.

- Đẩy mạnh hợp tác công - tư trong đầu tư hạ tầng số, trung tâm nghiên cứu, trung tâm đổi mới sáng tạo và các dự án chuyển đổi số.

PHẦN THỨ BA

KẾ HOẠCH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH KH, CN, ĐMST, CDS NĂM 2027

I. NGUYÊN TẮC CHUNG ĐỐI VỚI VIỆC XÂY DỰNG, LẬP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH KH, CN, ĐMST, CDS NĂM 2027

Việc xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2027 cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được thực hiện trên cơ sở các nguyên tắc sau:

- Tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu hiện hành và các văn bản hướng dẫn của Trung ương. Bảo đảm phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026–2030, các chương trình, đề án, kế hoạch về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển nhanh và bền vững của tỉnh.

- Thực hiện phân bổ ngân sách theo nguyên tắc tập trung, trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên nguồn lực cho các nhiệm vụ, dự án có tính chiến lược, có khả năng tạo đột phá, thúc đẩy tăng năng suất lao động, nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển kinh tế số, xã hội số và chính quyền số.

- Ưu tiên bố trí đủ kinh phí để hoàn thành các nhiệm vụ, dự án chuyên tiếp, thanh toán khối lượng đã hoàn thành, xử lý các nghĩa vụ tài chính theo quy định trước khi bố trí cho các nhiệm vụ, dự án khởi công hoặc triển khai mới.

- Tăng cường huy động các nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước, khuyến khích sự tham gia của doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở giáo dục đại học, các quỹ phát triển khoa học và công nghệ và các nguồn vốn hợp pháp khác nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH KH, CN, ĐMST, CDS NĂM 2027

1. Công tác xây dựng dự toán thu NSNN năm 2027

- Dự toán thu NSNN phần đầu tăng so với dự toán thu ngân sách năm 2026. Bao gồm các lĩnh vực:

- + Hoàn thành 100% kế hoạch thu phí và lệ phí.

- + Tăng thu từ các dịch vụ KH&CN về kiểm định, kiểm nghiệm, hiệu chuẩn thử nghiệm.

2. Công tác xây dựng dự toán chi NSNN năm 2027

2.1. Dự toán chi đầu tư xây dựng cơ bản

- Năm 2027 tiếp tục quản lý có hiệu quả các dự án đã được đầu tư, hoàn thiện các thủ tục thanh quyết toán vốn đã cấp theo đúng quy định hiện hành.

- Tổng kinh phí chi đầu tư phát triển đề xuất năm 2027 là: **1.100 tỷ đồng**.

- + Lĩnh vực Khoa học và công nghệ: 26,208 tỷ đồng.

- + Lĩnh vực Đổi mới sáng tạo: 80 tỷ đồng.

- + Lĩnh vực Chuyển đổi số: 993,792 tỷ đồng.

2.2. Dự toán chi thường xuyên: 1.310 tỷ đồng.

** Dự toán chi thường xuyên (nguồn NSDP): 1.205 tỷ đồng*

Tổng chi NSNN từ nguồn Ngân sách địa phương cho sự nghiệp khoa học công nghệ dự kiến đưa vào kế hoạch năm 2027 là: 1.205 tỷ đồng. Trong đó:

- Chi khoa học và công nghệ: 200 tỷ đồng, gồm:

- + Chi nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh: 100 tỷ đồng (Tăng cường đầu tư các đề tài nghiên cứu, các dự án nghiên cứu triển khai, ứng dụng và nhân rộng mô hình tiên bộ KH&CN vào trong đời sống, sản xuất phục vụ phát triển

kinh tế xã hội của tỉnh, hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực KH&CN, thực hiện chương trình sở hữu trí tuệ, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong hoạt động KH&CN...).

+ Chi hoạt động khoa học và công nghệ khác (thông tin, SHTT, ATBX&HN, sáng kiến, quản lý KH, công nghệ, bưu chính viễn thông, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, KH&CN khác...): 100 tỷ đồng

- Chi hoạt động đổi mới sáng tạo: 110 tỷ đồng.

- Chi công tác chuyển đổi số: 895 tỷ đồng.

** Dự toán chi thường xuyên (nguồn NSTW): 105 tỷ đồng.*

(chi tiết tại Phụ lục 2, Phụ lục 3 kèm theo kế hoạch)

PHẦN THỨ TƯ

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Là cơ quan chủ trì, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2027 trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì tổng hợp nhu cầu, rà soát, xây dựng danh mục nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tổng hợp kế hoạch, dự toán ngân sách nhà nước năm 2027 trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

- Phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan tham mưu bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo khả năng cân đối ngân sách nhà nước, bảo đảm đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Đầu tư công và các quy định có liên quan.

- Tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch và tình hình phân bổ, giải ngân kinh phí; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo UBND tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật.

3. Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của ngành, lĩnh vực, địa phương, chủ động xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đề xuất danh mục nhiệm

vụ và dự toán kinh phí năm 2027 theo đúng hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính và Sở Khoa học và Công nghệ.

- Chịu trách nhiệm về tính cần thiết, mục tiêu, nội dung, hiệu quả và tính khả thi của các nhiệm vụ đề xuất; ưu tiên các nhiệm vụ phục vụ trực tiếp phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả quản lý nhà nước và thúc đẩy chuyển đổi số.

- Tổ chức triển khai các nhiệm vụ sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt; quản lý, sử dụng kinh phí đúng quy định; thực hiện chế độ theo dõi, thống kê, báo cáo và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc quản lý, sử dụng ngân sách được giao.

4. Các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở giáo dục đại học, doanh nghiệp và các đơn vị chủ trì nhiệm vụ

- Chủ động đề xuất các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với nhu cầu phát triển của tỉnh; tăng cường hợp tác nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

- Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả; sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng quy định; thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo, kiểm tra, giám sát và quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

Trên đây là Kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và dự toán ngân sách thực hiện năm 2027 của tỉnh Ninh Bình. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc có nội dung cần điều chỉnh, bổ sung, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ) để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
 - Bộ Tài chính;
 - Lãnh đạo UBND tỉnh;
 - Các sở, ban, ngành;
 - VPUBND: CVP, PCVP, các VP, TT;
 - UBND các xã, phường;
 - Lưu: VT, VP11.
- BXC_VP11_KH

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Thanh Sơn